



TOAN THANH
ENERGY

PowittSolar

MONO MODULE **N** TYPE

610W-630W

Premium Quality *Hai mặt kính*

132 CELL

ĐƠN TINH THỂ LOẠI N

23.32%

HIỆU SUẤT TỐI ĐA

0 to + 5W

SAI SỐ CÔNG SUẤT



Năng suất điện cao hơn



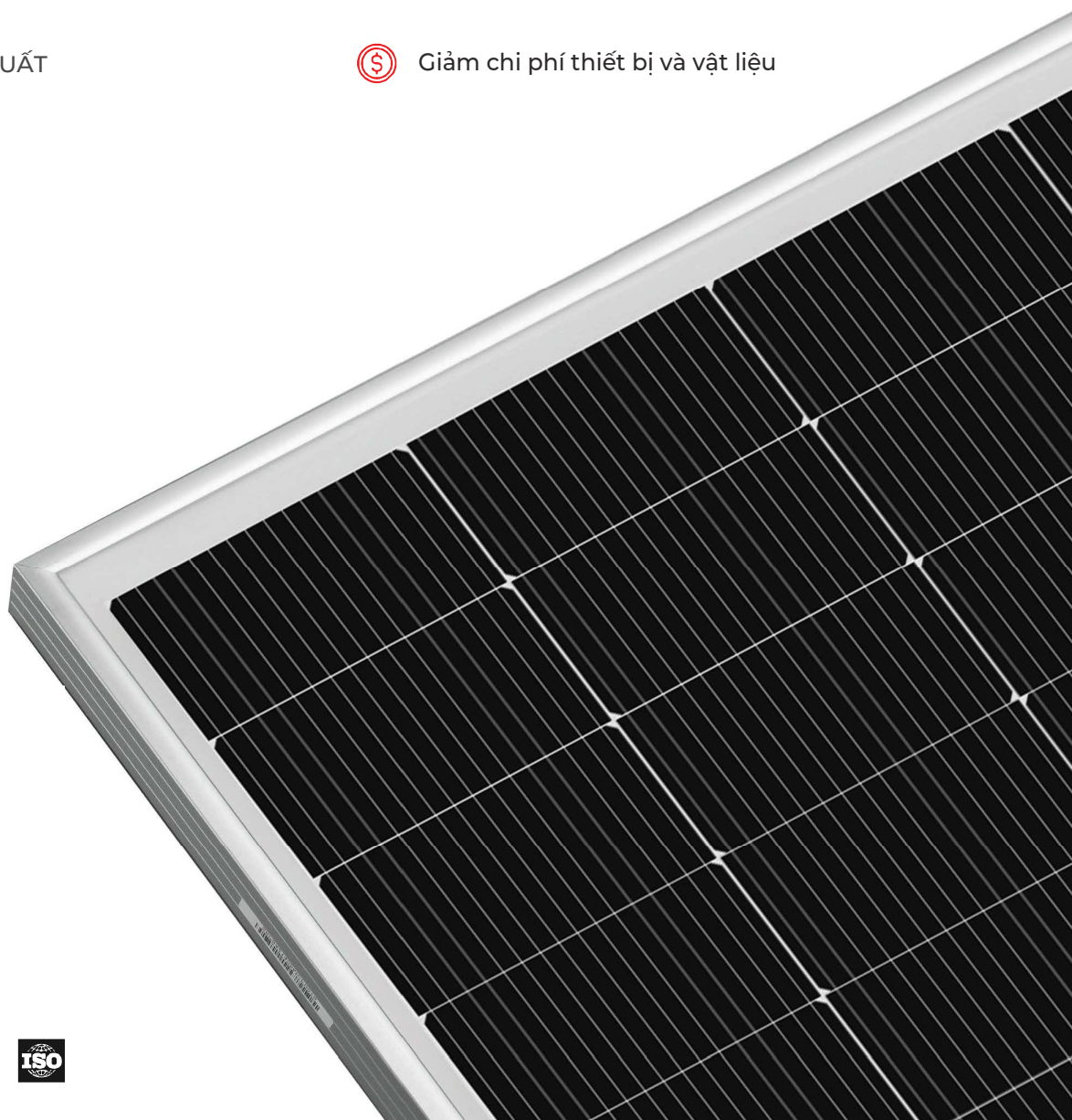
Thân thiện với môi trường



Tối ưu hóa hệ số nhiệt độ



Giảm chi phí thiết bị và vật liệu



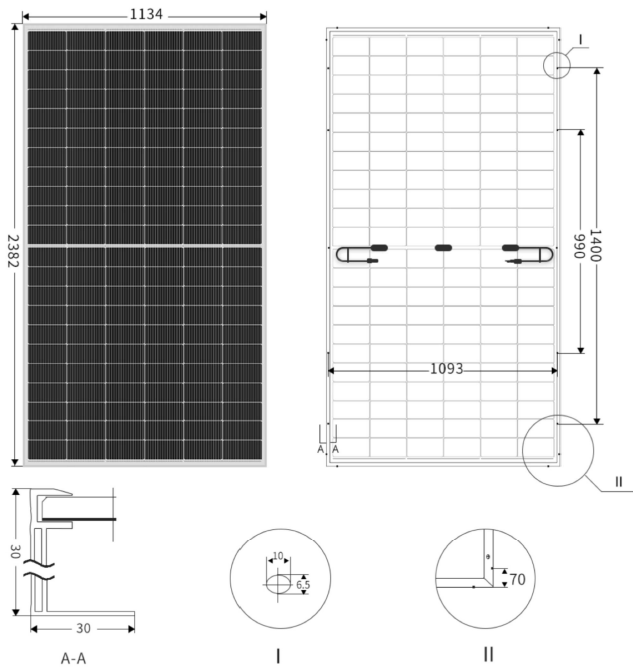
ModuleType		PW-66M610HM10L-BD		PW-66M615HM10L-BD		PW-66M620HM10L-BD		PW-66M625HM10L-BD		PW-66M630HM10L-BD	
Môi trường thử nghiệm		STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT	STC	NOCT
Công suất tối đa	PMAX(W)	610	461	615	465	620	469	625	473	630	476
Điện áp công suất đối đa	VMPP(V)	40.8	38.6	41.0	38.8	41.2	39.0	41.4	39.1	41.6	39.3
Dòng điện công suất tối đa	IMPP(A)	14.96	11.96	15.01	12.00	15.06	12.04	15.11	12.08	15.16	12.11
Điện áp hở mạch	Voc(V)	48.0	45.4	48.2	45.6	48.4	45.8	48.6	46.0	48.8	46.2
Dòng điện ngắn mạch	Isc(A)	15.97	12.88	16.02	12.92	16.08	12.97	16.14	13.02	16.20	13.06
Sai số/Độ lệch	(W)	0- +5		0- +5		0- +5		0- +5		0- +5	
Hiệu suất của Mô đun	(%)	22.58		22.77		22.95		23.14		23.32	

STC: Irradiance 1000 W/m², Cell Temperature 25°C, Air Mass AM1.5 according to EN 60904-3. Average efficiency reduction of 4.5% at 200W/m² according to EN 60904-1
NOCT: Irradiance at 800 W/m², Ambient Temperature 20°C, Wind Speed 1m/s.

CÔNG SUẤT HAI MẶT - MẶT SAU TĂNG THÊM 10% CÔNG SUẤT (tham khảo)

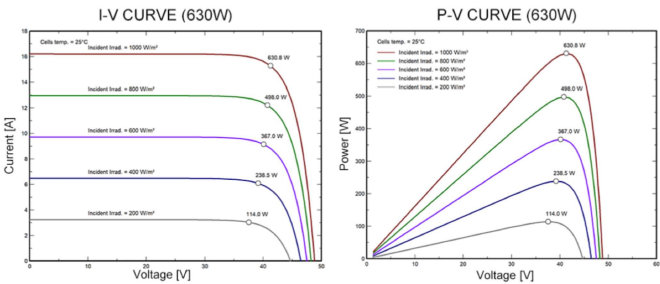
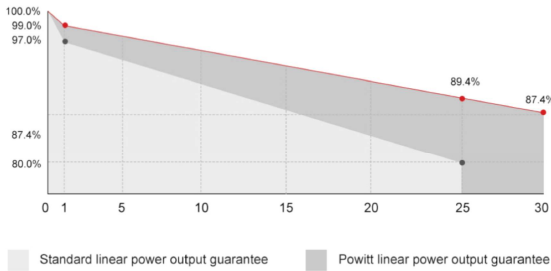
Module Type	PW-66M610HM10L-BD	PW-66M615HM10L-BD	PW-66M620HM10L-BD	PW-66M625HM10L-BD	PW-66M630HM10L-BD
Pmax(W)	671	676.5	682	687.5	693
Voc(V)	48	48.2	48.4	48.6	48.8
Isc (A)	17.37	17.43	17.49	17.54	17.60
Vmp(V)	40.8	41	41.2	41.4	41.6
Imp(A)	16.45	16.50	16.55	16.61	16.66

KÍCH THƯỚC CỦA TẤM PIN



BẢO HÀNH HIỆU SUẤT TUYẾN TÍNH

15 năm bảo hành sản phẩm, 30 năm bảo hành hiệu suất



DỮ LIỆU CƠ KHÍ		THÔNG SỐ NHIỆT ĐỘ	
Loại Cell	Mono N-TYPE	Nhiệt độ vận hành danh nghĩa của tế bào (NOCT)	41±3°C
Số lượng Cell	132 (6 x 22)	Hệ số nhiệt độ của PMAX	-0.29%/°C
Kích thước tấm pin	2382 x 1134 x 30mm	Hệ số nhiệt độ của Voc	-0.25%/°C
Trọng lượng	32.5kg	Hệ số nhiệt độ của Isc	+0.05%/°C
Kính mặt trước	2.0mm	ĐỊNH MỨC TỐI ĐA	
Kính mặt sau	2.0mm	Nhiệt độ vận hành	-40°C to +85°C
Khung	Anodized Aluminium Alloy	Điện áp hệ thống tối đa	1500V DC
Hộp đấu nối	IP68 Rated	Định mức cầu chì nối tiếp tối đa	35A
Cáp	4.0mm², 350mm or Customized Length	Tải trọng cơ học	5400pa
Đầu nối	MC4 Compatible	Tải trọng gió	2400pa
CẤU HÌNH ĐÓNG GÓI			
37 pcs/Pallet, 740 pcs/40'HQ			